

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS- ST.
Ngày: 28-02-2024.
V/v: Tranh chấp về bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và ông Điều Nhót.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhàn, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1973 và bà Trần Thị T, sinh năm 1981 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1990 – Có mặt.

Bà Bùi Thị L (Bùi Phương L), sinh năm 1992 – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1964 và bà Trần Thị H, sinh năm 1967 - Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ C, phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắc Nông.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Thế M, sinh năm 1982 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Ông Đinh Văn H, sinh năm 1980 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Phan Quang Đ, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T trình bày:

Tôi (Phạm Văn S) đến xã H, huyện Đ sinh sống từ năm 1996; tôi (Trần Thị T) đến xã H, huyện Đ sinh sống từ năm 1999. Chúng tôi đã đăng ký kết hôn năm 1999 tại xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn một thời gian, chúng tôi nhận chuyển nhượng 01 thửa đất tại Thôn T, xã H, huyện Đ từ ông Nguyễn Văn Dưỡng và bà Lê Thị Minh (*hiện nay không rõ ở đâu*). Đất nhận chuyển nhượng có chiều ngang mặt đường 15m; chiều sâu 35m đến 36m với giá 400.000đ/m. Hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên viết tay, có người làm chứng. Đất chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau viết tắt là GCNQSD) nhưng đã được đo đạc giải thửa. Lý do chưa xin cấp GCNQSD là do kinh tế khó khăn.

Sau khi nhận chuyển nhượng chúng tôi sinh sống ổn định trên đất đến bây giờ, không tranh chấp với ai. Thời điểm nhận chuyển nhượng trên đất có 01 căn nhà gỗ, năm 2017 chúng tôi xây một nhà cấp 3 (trệt + gác lửng).

Theo chúng tôi được biết, ông Đoàn Văn N và bà Bùi Phương L nhận chuyển nhượng đất từ ông Phan Thanh H (trú tại Tổ C, phường Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông). Chúng tôi không rõ việc chuyển nhượng đất như thế nào, diện tích ra sao.

Ngày 24-3-2022, ông Đoàn Văn N thuê người múc đất thửa đất liền kề nhà chúng tôi (*phía sau và bên hông nhà*). Chúng tôi có yêu cầu dừng lại thì ông N nói: “*tôi mua đất của Tòa án, muốn gì thì ra Tòa án hỏi*”, sau khi tranh cãi thì phía sau đất nhà chúng tôi ông N trừ lại hơn 01m để đảm bảo an toàn. Còn phía bên hông nhà (phần bị sạt lún) chúng tôi không thấy được nên không nói được ông N.

Đêm ngày 02-5-2022 (các giấy tờ ghi ngày 03-5-2022 là không đúng), tường phía sau nhà chúng tôi bị nứt 03m (*có bản ảnh kèm theo*). Phía bên hông nhà bị sụt cả đất và tường 06m và nứt tường thêm 03m.

Ngay khi bị sạt và nứt nhà, chúng tôi gọi báo chính quyền xã (không ai lập biên bản); sáng 03-5-2022, chúng tôi đến nhà chủ tịch xã cũng không được làm việc do báo bận. Sáng 04-5-2022, có đoàn kiểm tra của xã đến lập biên bản kiểm tra thực địa nhưng không có mặt ông N. Ngày 06-5-2022, chính quyền xã mời 02 bên lên hòa giải, ông N, bà L nói chúng tôi gọi bên xây dựng xem thiệt hại như thế nào? Chúng tôi gọi nhiều lần và được cho biết thiệt hại khoảng 400.000.000 đồng. Chính quyền xã hòa giải, nói 02 bên mỗi bên chịu 50% thiệt hại, bên chúng tôi đồng ý. Ông N đồng ý bồi thường cho chúng tôi 200.000.000 đồng nhưng với điều kiện phải làm rõ chúng tôi có lấn đất của ông H hay không (*đất ông H chuyển nhượng cho ông N*). Chúng tôi không

đồng ý là do thời gian để điều tra việc có lún đất hay không quá lâu, trong khi thực tế từ ngoài mặt đường đo vào tới cuối mép nhà bị sụt chỉ có 32m; phần đất chúng tôi nhận chuyển nhượng dài 35m-36m.

Căn nhà chúng tôi xây dựng hết 1.400.000.000 đồng, diện tích nhà 6mx20m, phần bị sụt lún là công trình phụ, nhà bếp.

Cuối tháng 4 đến ngày 02-5-2022, ông M có sử dụng máy mức nhỏ đến chỉnh sửa, cải tạo lại đất phía sau nhà chúng tôi nhưng phần này không bị ảnh hưởng; ông M không dùng máy mức để mức phía bên hông nhà.

Theo đơn khởi kiện, ông S, bà T yêu cầu ông N, bà L bồi thường 879.030.000 đồng, gồm 379.030.000 đồng thiệt hại phần móng nhà bị lở và sụp đổ khu vực tầng 1, nhà bếp, công trình phụ, hư lò nướng bánh (20.000.000 đồng); 500.000.000 đồng thiệt hại khu vực tầng 2 do tường nhà bị xé các đường giằng lớn.

Tại phiên làm việc ngày 19-6-2023, ông S, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông N, bà L về thiệt hại lò nướng bánh trị giá 20.000.000 đồng do đã sửa chữa được. Sau khi Tòa án mở phiên họp đối chất; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12-12-2023, ông S, bà T rút tiếp một phần yêu cầu khởi kiện đối với thiệt hại do nhà bị sụt lún, sạt lở, hư hỏng. Tổng thiệt hại còn yêu cầu ông N, bà L bồi thường là 350.000.000 đồng.

Bị đơn ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L (Bùi Phương L) trình bày:

Ông Phan Thanh H, là bác quen biết đã lâu có 01 thửa đất tọa lạc tại Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; đất chưa được cấp GCNQSD. Tôi (Nhất) có đặt cọc để nhận chuyển nhượng nhưng do phát sinh vài tranh chấp nên hai bên chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Do ông H để đất không, không có nhu cầu sử dụng nên tôi mượn để phơi tiêu. Việc mượn không lập văn bản, giấy tờ, chưa thỏa thuận gì về tiền sử dụng. Vị trí đất có một mặt giáp với phía sau là công trình phụ nhà ông S, bà T.

Do đất có vị trí cao hơn mặt đường nên ngày 26-3-2022, tôi (N) thuê máy mức của một người đàn ông tên Tuấn (*không rõ họ, không biết địa chỉ*) đến hạ đất xuống tạo mặt bằng, ông Tuấn không lấy tiền công. Khi thuê máy mức đất, tôi có gọi ông S, bà T ra thống nhất khoảng cách; ông S, bà T xác nhận không ảnh hưởng gì. Việc mức đất thực hiện trong 02 ngày vào tháng 3 năm 2022. Khoảng đầu tháng 5, ông Nguyễn Thế M thấy phía sát đường còn đất dư do loại máy mức trước làm để lại, đến xin tôi mấy xe, tôi đồng ý. Tôi nói ông M cào bằng, làm đẹp phần đất trước đây máy mức lớn làm còn nham nhở. Việc ông M cào gọn lại không làm ảnh hưởng tới nhà ông S, bà T. Tôi không thấy ông M mức thêm đất. Máy mức của ông M là loại nhỏ. Ngoài ông M và ông Tuấn thì tôi không còn cho ai mức đất nữa.

Trước khi thuê người đàn ông tên Tuấn mức đất tạo mặt bằng vào ngày 26-3-2022, chúng tôi không xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 04-5-2022, Ủy ban nhân dân (UBND) xã H mời chúng tôi lên làm việc do nhà ông S, bà T bị sụt lún. UBND xã H đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi biến dạng địa hình thửa đất số 382, tờ bản đồ số 51. Tôi (N) đã nộp phạt số tiền 3.500.000 đồng. Lẽ ra tôi không đồng ý với quyết định xử phạt số 184/QĐ-XPHC ngày 03-5-2022, của UBND

xã H, tuy nhiên do không nhận được Quyết định xử phạt, được thông báo miệng nếu không đóng phạt thì sau này xin xác nhận gì sẽ không được nên tôi đưa 3.500.000 đồng tiền mặt cho cán bộ xã.

Theo chúng tôi, lý do sụt lún là do mưa nhiều ngày liền, nước mưa xối vào chân công trình phụ nhà ông S, bà T và phần móng nhà làm không kiên cố dẫn tới sụt công trình phụ. Việc nhà bị nứt tường tôi không rõ lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, tôi (N) đã đồng ý hỗ trợ cho ông S, bà T 100.000.000 đồng để khắc phục sụt lún nhưng ông S, bà T không đồng ý. Hiện tại tôi không còn tiền nên chỉ có thể hỗ trợ 50.000.000 đồng.

Đối với việc giám định nguyên nhân và khắc phục công trình sụt lún, nứt tường. Tôi không đồng ý thực hiện giám định. Lý do tôi không có liên quan gì tới việc sạt lở, nứt tường nhà ông S, bà T. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để xác định nguyên nhân sụt lún, nứt tường.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, bà T, tôi không đồng ý toàn bộ. Tuy nhiên, về mặt tình cảm, tôi đồng ý hỗ trợ (không phải bồi thường) cho ông S, bà T số tiền 50.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H và bà Trần Thị H trình bày:

Khoảng năm 2006, chúng tôi nhận chuyển nhượng từ ông Dượng (*không rõ họ, tên, năm sinh*) thửa đất diện tích khoảng 2 sào, có chiều dài mặt đường liên xã 57m (phía sau đất nhà ông Tiên, ông S, bà T, bà Oanh ...); đất tọa lạc tại Thôn T, xã H, huyện Đ. Đất chưa được cấp GCNQSD, có hình dạng sườn đồi, thoải thoải.

Năm 2021, chúng tôi chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Đoàn Văn N và bà Bùi Phương L (toàn bộ giấy tờ đã giao cho ông N, bà L). Hiện ông N, bà L chưa trả hết tiền nhưng chúng tôi đã giao đất cho ông N, bà L sử dụng từ năm 2021.

Từ khi giao đất, ông N, bà L sử dụng, làm gì không thông báo nên chúng tôi không rõ việc ông N, bà L thuê người mướm đất tạo mặt bằng thửa đất đã nhận chuyển nhượng. Chúng tôi sinh sống ở thành phố Gia Nghĩa nên cũng không rõ việc mướm đất của ông N, bà L; không rõ ông N, bà L thuê ai mướm đất.

Nhà ông S, bà T bị sụt lún một thời gian lâu thì chúng tôi mới được con nói cho biết. Thời điểm chúng tôi sử dụng đất thì nhà ông S, bà T sử dụng bình thường, không bị hư hại gì.

Ý kiến của chúng tôi đối với yêu cầu bồi thường của ông S, bà T: Chúng tôi đã chuyển nhượng đất cho ông N, bà L; ông N, bà L thuê người mướm đất làm ảnh hưởng đến nhà người khác thì phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu sai. Chúng tôi không còn liên quan gì và không có trách nhiệm gì với ông S, bà T.

Chúng tôi có nghe nói ông N đồng ý bồi thường cho ông S, bà T nhưng chỉ đồng ý bồi thường 50.000.000 đồng. Số tiền ông S, bà T yêu cầu bồi thường quá cao nên ông N không đồng ý.

Đề nghị Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ, tìm hiểu nguyên nhân và giải quyết

vụ án theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, do ở xa, lớn tuổi, đi lại khó khăn, chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người làm chứng ông Nguyễn Thế M trình bày:

Tôi không có quan hệ thân thích gì với ông S, bà T; ông N, bà L. Tôi ở cách nhà ông S, bà T khoảng 02km.

Tôi có sở hữu 01 máy mức nhỏ, loại gàu 3, xe không biển kiểm soát, thông thường sử dụng mức đất cho người dân có nhu cầu. Cuối tháng 4, đầu tháng 5, thấy phía sau nhà ông Tiên (sát nhà ông S) còn dư ra một lượng đất, cách khu vực đã mức sát chân nhà ông S khoảng 07-08m, gần về phía đường nhựa liên xã; biết đất do ông Đoàn Văn N thuê người mức và có quen nên tôi gọi điện thoại cho ông N xin đám đất dư còn lại.

Khu vực đất sau nhà ông Tiên, ông S trước đây là đôi thoai thoải, tôi có thấy người mức trước đó nhưng không rõ là ai, chỉ biết đất của ông N. Đất trước khi mức cao hơn hiện tại khoảng 02m. Do xe mức trước đó là loại gàu 7, loại lớn nên dầu mức sẽ còn, và sau khi mức thì khó dọn dẹp mặt bằng được, vẫn còn dư đất nên tôi mới xin.

Khi tới lấy đất, tôi không hề mức thêm gì ở phần đất phía sau nhà ông Tiên, sát phần sạt lở bên hông trái phía sau nhà ông S. Tôi chỉ mức đất dư cách đó khoảng 07-08m và gần đường nhựa. Ông bà S T có ra nói tôi đừng mức sát chân đất để tránh làm ảnh hưởng tới nhà, tôi có nói tôi không mức.

Do sáng ngày 03-5-2022, nhà ông bà S, T bị sạt lở phần nhà bếp và công trình vệ sinh, xe của tôi lại đang đậu ở đó nên mới bị giữ lại (ông S, bà T là người nói, do nể tình cảm nên tôi để xe lại). Việc xe tôi vẫn còn đậu là do khi tôi xin đất dư, ông N có nhờ tôi cải tạo mặt bằng để kinh doanh nhưng chưa kịp thực hiện.

Chính quyền xã không mời tôi lên làm việc mà chỉ mời ông N, bà L, ông S, bà T. Ông N cũng nói không liên quan gì tới tôi. Sau khi chính quyền xã mời làm việc không ai nói gì tới tôi nên tôi dời xe về.

Tôi chỉ mức đất thừa của xe mức loại gàu 7 và cách xa phần đất sạt lở, không đụng xe mức tới phần chân đất phía sau nhà ông S, bà T.

Về việc nhà ông S, bà T bị sạt lở theo tôi có nhiều nguyên nhân, vừa do việc mức đất, vừa do nhà ông S, bà T thải nước thải trực tiếp ra phần đất phía sau nhà mà không làm ống dẫn xuống phía dưới, vừa do trời mưa to.

Người làm chứng ông Phan Quang Đ trình bày:

Tôi không có quan hệ thân thích với ông S, bà T, ông N và bà L.

Tôi đến ở đối diện thửa đất xảy ra việc sạt lở và có yêu cầu bồi thường của ông S, bà T khoảng tháng 10 năm 2021. Tháng 3 năm 2022 (*không nhớ rõ ngày*), tôi thấy có máy mức tới mức đất phía đối diện nhà tôi. Sau này tôi nghe những người môi giới nói đất phía đối diện nhà tôi là của anh N. Việc mức đất diễn ra vài ngày (*trên 2 ngày*) thì ngừng. Một thời gian nữa (*không nhớ rõ bao lâu*) tôi lại thấy có máy mức tới chỉnh sửa lại mặt bằng phía đối diện nhà tôi. Việc sạt lở xảy ra thời điểm mức lần đầu hay

sau khi chỉnh sửa lại mặt bằng tôi không nhớ.

Về người mức đất tôi không rõ là ai, cũng không biết ai là người thuê máy tới mức đất. Theo tôi nhớ chỉ có 1 máy mức; ban đầu 1 máy mức, mức một thời gian rồi dời đi. Sau này cũng có 1 máy mức đến cải tạo lại mặt bằng, có mức thêm hay không thì tôi không rõ. 2 máy này có phải cùng một người điều khiển hay cùng 1 máy mức không tôi không rõ.

Về nguyên nhân sạt lở: Tôi là người dân, không chuyên nên cũng không thể khẳng định được lý do là gì.

Về hiện trạng đất trước khi mức đất: Do cây cối nhiều, không ai phát dọn nên tôi không để ý. Về việc chân cột điện còn dấu vết đất đỏ (theo hình ảnh), theo tôi đúng là trước đây đất cao bằng với phần chân cột điện còn dấu đất.

Tôi được nghe nói nguồn gốc đất phía đối diện nhà tôi là của ông H.

Do công việc bận rộn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt tôi.

Người làm chứng ông Đinh Văn H trình bày:

Tôi không có quan hệ thân thích với ông S, bà T, ông N và bà L.

Tôi ở đối diện nhà ông S, bà T đã trên 20 năm. Còn phần nhà, đất bị sạt ở phía sau nhà ông S, bà T.

Tôi không nhớ rõ thời gian nhưng trong đầu năm 2022, tôi có thấy máy mức tới mức đất phía sau nhà ông S, bà T. Mức bao lâu, mấy lần tôi không rõ. Ai là người mức hay người thuê mức, đất của ai tôi đều không biết.

Về nguyên nhân sạt lở: Theo tôi trước khi mức đất không có hiện tượng sạt lở, sau khi mức thì có chênh lệch về độ cao nên mới xảy ra sạt lở.

Về hiện trạng đất trước khi mức đất: Trước năm 2022 là đồi thoải thoải, chưa từng thấy ai hay máy mức tới mức đất tạo mặt bằng.

Về phần nhà ông S, bà T: Tôi có thấy việc làm nhà, do ở phía trước đất cao, phía sau trũng thấp, ông S, bà T có bao móng nhà rồi đổ đất vào phần móng phía sau nhà. Do công việc bận rộn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt tôi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày ban đầu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà L bồi thường thiệt hại về nhà bị sạt lở và chi phí khắc phục số tiền 879.030.000 đồng. Nay rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường là 529.030.000 đồng, gồm 01 lò nung đã sửa chữa được trị giá 20.000.000 đồng và 509.030.000 đồng thiệt hại do bị lở móng nhà, nứt tường và chi phí khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, tiêu đề Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông N, bà L bồi thường thiệt hại do móng nhà bị lở, sụt lún, nứt tường và chi phí để khắc phục số tiền là 350.000.000 đồng. Đối với kết luận giám định, nguyên đơn đồng ý và không có yêu cầu giám định lại. Tuy nhiên, có ý kiến là thiệt hại và chi phí khắc phục theo kết luận là quá thấp. Phía nguyên đơn đã tham khảo nhiều nhà thầu, với số tiền theo kết luận giám định thì không thể khắc phục được toàn bộ.

Bị đơn ông Đoàn Văn N trình bày: Trước đây tôi đã đặt cọc để nhận chuyển nhượng đất của ông H, bà H nhưng thủ tục nhận chuyển nhượng chưa hoàn tất; ông H, bà H có ủy quyền cho tôi sử dụng đất. Do định cải tạo mặt bằng để phơi tiêu, sau này làm vườn ươm cây giống, thấy có xe múc đất ở gần đất nên tháng 3 năm 2022 tôi nhờ họ cải tạo mặt bằng. Người múc đất chỉ múc ở phía sau nhà ông S, bà T và đã chừa lại hơn 1m chứ không múc bên hông; ông S, bà T cũng đã ra xác nhận là không sao. Thời điểm sạt lở tôi vừa chuyển nhượng đất, có tiền nên đồng ý hỗ trợ ông S, bà T 100.000.000 đồng. Nay không còn tiền nên tôi chỉ có khả năng hỗ trợ cho ông S, bà T 50.000.000 đồng để sửa nhà. Nhà ông S, bà T làm móng yếu, trời lại mưa to nên mới xảy ra sạt lở, sụt lún, không phải do mức đất gây ra. Tôi không yêu cầu giám định lại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình tôi khó khăn, hiện đang ở nhà thuê, con còn nhỏ để có quyết định phù hợp.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có nguyên lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bồi thường thiệt hại và chi phí để khắc phục thiệt hại tương ứng với phần lỗi là 70%, tổng số tiền buộc ông N, bà L bồi thường cho ông S, bà T là 241.739.400 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, bà T đối với số tiền yêu cầu ông N, bà L phải bồi thường là 108.260.600 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do ông S, bà T tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền 529.030.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và trình bày của ông Phạm Văn S, bà Trần Thị T, yêu cầu ông Đoàn Văn N, bà Bùi Thị L bồi thường thiệt hại về công trình nhà ở do hành vi mức đất gây ra là 879.030.000 đồng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 584 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn ông Đoàn Văn N, bà Bùi Thị L có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H và bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Hóa và bà Huế.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S, bà Trần Thị T:

2.1 Tài sản bị thiệt hại:

Tháng 6 năm 2017, ông S, bà T xây dựng mới 01 căn nhà quy mô trệt, lầu 1 và lửng, mái tôn. Chiều dài 30,75m; chiều rộng 7,45m; chiều cao tới trần mái 8m. Nhà xây tường gạch dày 10, 20cm tùy vị trí, nền xi măng và lát gạch ceramic các loại; cửa gỗ, cửa nhựa lõi thép; hệ thống trần thạch cao, trần bê tông. Nhà tọa lạc tại Thôn T, xã H, huyện Đ; có một mặt giáp đường nhựa giao thông; mặt sau giáp thửa đất số 382, tờ bản đồ số 51.

Kết cấu chịu lực chính của công trình: Kết cấu phần thân: Hệ khung cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép.

Về nguồn gốc đất xây dựng nhà: Ông S, bà T nhận chuyển nhượng ngày 16-02-2003 từ ông Nguyễn Văn Dưỡng và bà Lê Thị Minh; diện tích 15x35m; giá 400.000 đồng/m.

Đêm ngày 02-5-2022, ông S, bà T phát hiện một phần nhà phía sau khu vực bếp, nhà vệ sinh bị sập lở, tường nhà bị nứt nên trình báo chính quyền địa phương.

Ngày 04-5-2022, UBND xã H, huyện Đ tiến hành kiểm tra thực địa hiện trạng sử dụng đất, ghi nhận khu vực nhà vệ sinh, nhà bếp của ông S, bà T bị sập; khu vực lầu 1, lầu 2 đều bị xé giằng, có nguy cơ bị sập nhà.

Kết luận giám định số 23099/DV.32/SCQC ngày 28-11-2023 của Công ty Cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn kết luận:

Đánh giá chất lượng hiện trạng công trình

a. Mức độ hư hỏng kiến trúc:

Hiện trạng công trình tại thời điểm khảo sát, ghi nhận công trình xuất hiện nhiều hư hỏng chủ yếu là nứt, nứt xé tường, lún sụt, bể gạch nền...

Có cấu kiện tường trực 6-5/B, 5-6D; nền khu vực 5-6/B-D và 6-7/A-D trệt bị đánh giá là nguy hiểm theo tiêu chuẩn TCVN 9381:2012, các hư hỏng này cần có biện pháp sửa chữa, khắc phục để đảm bảo an toàn khi sử dụng.

b. Mức độ hư hỏng kết cấu

Hư hỏng kết cấu: Công trình có kết cấu chịu lực chính là hệ khung cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép. Tại thời điểm khảo sát, một số cấu kiện chịu lực hư hỏng bị đánh giá là nguy hiểm theo tiêu chuẩn TCVN 9381:2012 như nền khu vực 5-6/B-D và 6-7/A-D.

c. Về ổn định tổng thể công trình

Kết hợp kết quả khảo sát hư hỏng, đo đạc nghiên lún nền, nghiêng võng dầm sàn, nghiêng lệch cột, có thể đánh giá hiện trạng công trình như sau:

Khu vực 5-6/B-D và 6-7/A-D: khu vực có hư hỏng tường, nền bị đánh giá là nguy hiểm, ở trạng thái không ổn định.

Phần nhà chính 1-5/A-D: Nghiêng lún nền, nghiêng vồng sàn: có hiện tượng nghiêng lún (nghiêng vồng) theo quy luật, hướng nghiêng lún, nghiêng vồng chủ yếu từ trục D->A, (theo phương ngang nhà) và từ trục 1->7, với trị số nghiêng lệch ở các tầng đo được từ 0mm->75mm, độ nghiêng lệch nền tầng trệt và sàn lửng $<(1/100)L$, độ nghiêng lệch sàn lầu $1>(1/100)L$. Theo tiêu chuẩn TCVN 9381:2012, hiện tượng nghiêng lệch nền tầng trệt và sàn lửng chưa bị đánh giá là nguy hiểm, hiện tượng nghiêng lệch sàn lầu 1 bị đánh giá là nguy hiểm.

Nghiêng lệch cột: Các góc cột đo được bị nghiêng lệch theo quy luật, hướng nghiêng lệch chủ yếu từ trục D->A (theo phương ngang nhà, hướng về phía công trình của bị đơn), với trị số nghiêng lệch ở các tầng đo được từ 0mm->18mm, độ nghiêng lệch cột $<1\%H$. Theo tiêu chuẩn TCVN 9381:2012: hiện tượng nghiêng lệch này chưa bị đánh giá là nguy hiểm.

Kết luận: Tại thời điểm khảo sát, công trình xuất hiện nhiều hư hỏng như lún, sụt nền, nứt bề gạch, nứt xé tường, thấm ô trần; cột, sàn bị nghiêng lệch (nghiêng vồng) theo quy luật chủ yếu theo hướng từ trục D->A (theo phương ngang nhà) và hướng từ trục 1->7 (theo phương dọc nhà), độ nghiêng lệch một số khu vực bị đánh giá là nguy hiểm theo tiêu chuẩn TCVN 9381:2012.

Tại thời điểm khảo sát, công trình “Nhà của nguyên đơn” đang ở trạng thái ổn định dưới tác động tải trọng hiện hữu; riêng khu vực 5-6/B-D và 6-7/A-D đang ở trạng thái không ổn định dưới tác động tải trọng hiện hữu.

2.2 Hành vi xâm phạm tài sản gây thiệt hại:

Khoảng ngày 24, 26-3-2022, ông S, bà T thấy ông Đoàn Văn N gọi máy mức tới mức đất phần phía sau và bên hông nhà của mình. Khi mức đất, hai bên có trao đổi, ông S, bà T trình bày đã nói ông N dừng việc mức đất nhưng ông N không đồng ý; ông N trình bày đã thống nhất ranh mức đất và được ông S, bà T nói không có ảnh hưởng gì. Hai bên không lập văn bản thỏa thuận nên không có cơ sở xác định trình bày của bên nào là đúng. Cuối tháng 4, đầu tháng 5, tiếp tục có máy mức tới mức đất. Việc ông N gọi người tới mức đất có nhiều người làm chứng biết (đã nêu ở phần nhận thấy).

Ngày 03-5-2022, UBND xã H, huyện Đ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 184/QĐ-XPHC, xử phạt đối với ông Đoàn Văn N do hành vi hủy hoại đất, làm biến dạng địa hình trên thửa đất số 382, tờ bản đồ số 51, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ với mức phạt tiền 3.500.000 đồng. Về biện pháp khắc phục hậu quả: quyết định buộc ông N khôi phục lại tình trạng ban đầu, đưa toàn bộ diện tích đất bị hủy hoại về trạng thái an toàn. Ông Đoàn Văn N đã thực hiện nộp phạt số tiền 3.500.000 đồng. Ông N trình bày ông không đồng ý với quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng không khiếu nại và đã đóng phạt.

Ngày 06-5-2022, UBND xã H, huyện Đ tiến hành hòa giải, có mặt ông Phạm Văn S, bà Trần Thị T và ông Đoàn Văn N. Theo các ý kiến ghi nhận, ông N trình bày “trong quá trình san lấp mặt bằng trên phần đất của tôi có làm ảnh hưởng đến nhà ở và công trình phụ của gia đình ông Phạm Văn S do mưa lớn nước xói mòn. Tôi đồng ý phương án hỗ trợ 200.000.000 đồng cho gia đình ông S. Nhưng gia đình ông S không đồng ý phương án trên”. Biên bản không ghi số tiền cụ thể ông S, bà T yêu cầu bồi thường, ghi nhận ý kiến của ông S: “yêu cầu ông N bồi thường thiệt hại như hiện trạng ban đầu cho gia đình tôi, kinh phí ông N tự chịu”.

2.3 Nguyên nhân và mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm:

Ngày 12-12-2022, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song ban hành Quyết định trưng cầu giám định về mức độ thiệt hại, nguyên nhân gây thiệt hại, giá trị thiệt hại và chi phí khắc phục thiệt hại; Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Sài Gòn; Địa chỉ trụ sở tại số 25 Phạm Ngọc Thạch, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giám định.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, cùng các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương khảo sát chính thức đối với Nhà ở, công trình phụ nhà ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T để Công ty Cổ phần Kiểm định Xây dựng Sài Gòn thực hiện giám định, đánh giá chất lượng hiện trạng công trình, xác định nguyên nhân gây hư hỏng, lập biện pháp khắc phục và dự toán chi phí khắc phục sửa chữa công trình. Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và khảo sát chính thức để thực hiện quyết định trưng cầu giám định đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông Đoàn Văn N và bà Bùi Phương L không có mặt.

Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Đoàn Văn N không có ý kiến gì đối với kết luận giám định, không yêu cầu giám định lại.

Kết luận giám định số 23099/DV.32/SCQC ngày 28-11-2023 của Công ty Cổ phần kiểm định xây dựng Sài Gòn kết luận:

Nguyên nhân gây hư hỏng công trình:

Trên cơ sở số liệu đo đạc, khảo sát các vết nứt và hư hỏng, thông tin thu thập từ biên bản khảo sát, quá trình thi công công trình liên quan, quá trình sửa chữa, có thể nhận định nguyên nhân gây hư hỏng công trình như sau:

Tại thời điểm khảo sát, không có hồ sơ ghi nhận hiện trạng công trình “Nhà của nguyên đơn” trước khi bị đơn tiến hành đào đất san lấp mặt bằng tại “Khu đất của bị đơn” nên không thể phân định thời điểm xuất hiện các hư hỏng, không phân định rõ hiện tượng nghiêng lún và các hư hỏng cũ. SCQC chỉ phân tích đánh giá nguyên nhân hư hỏng hiện trạng công trình dựa trên các kết quả khảo sát hư hỏng, đo đạc nghiêng lún, nghiêng lệch công trình tại thời điểm khảo sát, kết hợp phân tích đánh giá khả năng tác động của việc đào đất san phẳng mặt bằng và các hoạt động tác động đến đất nền có thể gây ra ảnh hưởng cho các công trình xung quanh ở khu vực này.

Khu đất của bị đơn: Bị đơn sử dụng phương tiện cơ giới bắt đầu tiến hành đào đất san lấp mặt bằng khoảng tháng 3 năm 2022; vị trí đào đất: Tiếp giáp liền kề với công trình “Nhà của nguyên đơn” khu vực trục 5-7/A và trục 7/A-D, nằm trên sườn đồi dốc, phía trước “Khu đất của bị đơn” là tiếp giáp liền kề với đường giao thông. Quá trình đào đất đã làm phá vỡ sự cố kết nền đất hiện hữu, đồng thời làm biến dạng đất nền xung quanh của các công trình lân cận. Công tác đào đất không đảm bảo kỹ thuật, không đảm bảo tiêu nước bề mặt và xử lý nước ngầm, công tác tạo mái dốc taluy mô đất không đảm bảo độ dốc, từ đó dẫn đến sạt lở cục bộ đất nền khu vực đất nền đặt hệ móng của “Nhà của nguyên đơn”. Mặt khác, trong quá trình đào đất đã sử dụng máy đào và xe tải lớn chở đất gây ảnh hưởng đến các công trình lân cận khu vực đào đất.

Nhà của nguyên đơn: Xây dựng mới khoảng năm 2017; hệ kết cấu chịu lực chính là hệ cột, dầm, sàn BTCT, móng nông. Đối với hệ móng này, dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động gây chấn động và ảnh hưởng lún khi có ngoại lực tác động làm biến dạng đất nền, dẫn đến chuyển vị làm hư hỏng cấu kiện bên trên. Vị trí xây dựng: Công trình tiếp giáp liền kề với đường giao thông, nằm trên sườn đồi dốc, phía sau công trình là khoảng đất đồi trống, sườn đồi dốc tiếp giáp với mặt đường giao thông phía sau nhà. Qua kết quả khảo sát hư hỏng nhận thấy: hư hỏng chủ yếu trong công trình là lún sụt nền, nứt xé nền, nứt bề gạch, nứt xé tường, các hư hỏng nặng chủ yếu tập trung ở khu vực trục 5-7/A-D (khu vực tiếp giáp gần với “Khu đất của bị đơn”), các hư hỏng này phù hợp với các quy luật nghiêng lún của công trình. Qua kết quả đo đạc biến dạng cho thấy: Công trình có hiện tượng nghiêng lệch theo quy luật, hướng từ trục D->A và hướng từ trục 1->7, nghiêng lệch về phía khu đất đồi bị san lấp mặt bằng, phù hợp quy luật gây ảnh hưởng. Công trình của nguyên đơn khu vực trục 6-7/A-D bị sạt lở nghiêm trọng, bị nghiêng lệch lớn ảnh hưởng trực tiếp đến nhà bếp khu vực 5-6/A-D, xuất hiện hiện tượng nứt xé tường, nứt tách hờ lớn với khối nhà chính.

Kết luận: Hiện tượng hư hỏng và nghiêng lún “Nhà của nguyên đơn” là do các nguyên nhân phân tích ở trên. Trong đó tác động của công tác đào đất san lấp mặt bằng “Khu đất của bị đơn” là nguyên nhân chính làm xuất hiện các hư hỏng và nghiêng lún “Nhà của nguyên đơn”.

Về người chiếm hữu, sử dụng thửa đất số 382, tờ bản đồ số 51: Theo sơ đồ giải thửa, thửa đất 382, tờ bản đồ số 51 mà ông Đoàn Văn N đã có hành vi hủy hoại, làm biến dạng địa hình, đứng tên người sử dụng là ông Phan Thanh H. Theo trình bày của ông Phan Thanh H và bà Trần Thị H, đất ông bà nhận chuyển nhượng khoảng năm 2006. Năm 2021 đã chuyển nhượng lại cho ông N, bà L nhưng không còn giữ giấy tờ gì để giao nộp cho Tòa án. Tiền ông N, bà L chưa trả hết nhưng đất đã giao cho ông N, bà L sử dụng từ năm 2021. Khi giao, đất có dạng sườn đồi, thoải thoải. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tự khai và các lần lấy lời khai, ông N, bà L trình bày không thống nhất về nguồn gốc và mục đích sử dụng, ban đầu ông N, bà L trình bày thuê đất của ông H, do đất cao hơn mặt đường nên thuê người hạ đất xuống để làm trại cây giống (BL 22); sau đó ông N trình bày mượn đất của ông H để phơi tiêu và nhờ người

cào đất để tạo mặt bằng (BL 63). Tại phiên đối chất, ông N trình bày đã đặt cọc để nhận chuyển nhượng đất từ ông H nhưng phát sinh tranh chấp nên chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và mượn đất của ông H, san lấp mặt bằng để phơi tiêu. Như vậy, thửa đất 382, tờ bản đồ số 51 thời điểm ông N thuê (nhờ) người mướn đất đều đang được ông H giao cho ông N, bà L quyền chiếm hữu, sử dụng. Ông N có hành vi thuê (nhờ) người mướn đất để tạo mặt bằng vì mục đích cá nhân, không được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không có các biện pháp bảo đảm an toàn khi mướn đất, vi phạm quy định tại Điều 15, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; hành vi của ông N đã gây thiệt hại cho công trình nhà của ông S, bà T. Do đó, theo quy định tại Điều 584, Điều 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự, ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L phải bồi thường thiệt hại do có hành vi trái pháp luật, xâm phạm tài sản đã gây ra thiệt hại cho nhà ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T.

2.4 Xác định thiệt hại và người phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Căn cứ kết quả giám định công trình do Công ty Cổ phần xây dựng Sài Gòn thực hiện số 23099/DV.32/SCQC ngày 28-11-2023, thiệt hại gồm:

Sửa chữa hư hỏng hiện trạng khối nhà chính: 32.385.000 đồng;

Chi phí đền bù khôi phục nguyên trạng công trình (khối nhà chính): 101.216.000 đồng;

Tháo dỡ và xây mới công trình khu vực 5-7/A-D: 211.741.000 đồng.

Như vậy tổng thiệt hại và chi phí khắc phục thiệt hại về tài sản là:

$32.385.000 + 101.216.000 + 211.741.000 = 345.342.000$ đồng.

Xác định lỗi:

Nguyên nhân do bản thân (bao gồm các nguyên nhân không do tác động từ việc đào đất san lấp mặt bằng “Khu đất của bị đơn”: Tỷ lệ 30%.

Nguyên nhân do tác động từ việc đào đất san lấp mặt bằng “Khu đất của bị đơn”: Tỷ lệ 70%.

Như vậy, bản thân công trình nhà ở của ông S, bà T có hệ móng nông, dễ bị ảnh hưởng bởi tác động gây chấn động và ảnh hưởng khi có ngoại lực tác động làm biến dạng đất nền, lỗi tự thân công trình gây ra thiệt hại là 30%. Lỗi do hành vi ông N thuê (nhờ) người mướn đất gây thiệt hại cho công trình nhà ở của ông S, bà T là 70%. Do đó ông N, bà L phải bồi thường số tiền:

$345.342.000 \times 70\% = 241.739.400$ đồng.

Thửa đất ông N làm biến dạng địa hình do ông Hóa, bà Huế giao cho ông N, bà L quản lý, sử dụng; ông N, bà L là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đã thuê (nhờ) người mướn đất với mục đích phơi tiêu, làm trại cây giống là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Vì vậy, theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, ông N và bà L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho ông S, bà T.

Căn cứ quy định tại các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và thiệt hại về tài sản, nguyên nhân, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gây thiệt hại và thiệt hại như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, bà T đối với ông N, bà L. Cần buộc ông N và bà L bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục thiệt hại do hành vi của ông N gây ra cho công trình nhà ở của ông S, bà T số tiền 241.739.400 đồng.

Đối với người đàn ông tên Tuấn, là người được ông N thuê (nhờ) dùng máy múc múc thửa đất số 382, tờ bản đồ số 51. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo bằng văn bản và các lần làm việc đến ông N, bà L cung cấp họ tên, địa chỉ, số điện thoại để Tòa án triệu tập làm việc nhưng ông N, bà L không cung cấp được và trình bày không nhớ rõ họ tên, không rõ địa chỉ, nơi làm việc. Vì vậy, Tòa án không lấy lời khai được.

Đối với ông Nguyễn Thế M, tại phiên họp đối chất đã làm rõ được ông M có sử dụng máy múc để múc đất nhưng mức phần đất dư cách nhà ông S, bà T khoảng 07-08m và ở sát đường nhựa, không làm ảnh hưởng tới công trình nhà ông S, bà T. Vì vậy, ông M không gây thiệt hại, không có trách nhiệm bồi thường.

Đối với ông Phan Thanh H và bà Trần Thị H: Ông H, bà H là chủ sử dụng đất nhưng đã giao đất cho ông N, bà L quản lý, sử dụng từ năm 2021 và ở tại thành phố G. Ông N thuê người múc đất không thông báo gì cho ông H, bà H. Ông H, bà H không biết gì về hành vi của ông N, bà L; không gây thiệt hại nên không có trách nhiệm bồi thường.

[3]. Theo yêu cầu khởi kiện, ông S, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà L bồi thường thiệt hại số tiền 879.030.000 đồng. Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông S, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 529.030.000 đồng. Tại phiên tòa, ông S, bà T giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của ông S, bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc ông N, bà L bồi thường thiệt hại số tiền 529.030.000 đồng.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí giám định: Căn cứ Điều 157 và Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L phải chịu số tiền 58.100.000 đồng. Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng 83.000.000 đồng, vì vậy ông Đoàn Văn N và bà Bùi Phương L phải trả cho ông S, bà T 58.100.000 đồng. Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T phải chịu số tiền 24.900.000 đồng tương ứng với phần yêu cầu giám định không có căn cứ.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

[6]. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T đối với ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L (Bùi Phương L).

Buộc ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L (Bùi Phương L) có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T thiệt hại do tài sản bị xâm phạm gồm thiệt hại thực tế và chi phí khắc phục thiệt hại số tiền 241.739.400đ (*Hai trăm bốn mươi một triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm đồng*).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T về việc yêu cầu ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L (Bùi Phương L) bồi thường thiệt hại số tiền 108.260.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T đối với yêu cầu ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L (Bùi Phương L) bồi thường thiệt hại số tiền 529.030.000 đồng.

3. Về án phí:

Ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L (Bùi Phương L) phải nộp 12.087.000đ (*Mười hai triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T phải chịu 5.413.000đ (*Năm triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 19.186.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T được nhận lại 13.773.000đ (*Mười ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001562 ngày 22-6-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, giám định: Ông Đoàn Văn N và bà Bùi Thị L (Bùi Phương L) phải chịu 58.100.000đ (*Năm mươi tám triệu một trăm nghìn*

đồng). Ông Phạm Văn S, bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng 83.000.000 đồng, vì vậy ông N và bà L phải trả cho ông S, bà T 58.100.000 đồng. Ông Phạm Văn S và bà Trần Thị T phải chịu 24.900.000đ (*Hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng*), được trừ vào 83.000.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà